



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm quyết định số 159/QĐ-CĐCNTT, ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM)*

**Tên ngành, nghề : KẾ TOÁN**

**Mã ngành, nghề: 6340301**

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng (Liên thông)- Cử nhân thực hành

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:**

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

**Thời gian đào tạo: 1 năm**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo kế toán viên trình độ cao đẳng theo định hướng thực hành. Sinh viên ra trường có kỹ năng thực hành về nghiệp vụ kế toán, có đạo đức nghề nghiệp; đủ khả năng giải quyết công việc về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị; đồng thời có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ trong tương lai.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

**PO1:** Có sức khỏe, tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức, tuân thủ pháp luật.

**PO2:** Có kỹ năng chung về xử lý công việc và khả năng sử dụng thành thạo các kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong công việc.

**PO3:** Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, tự nhiên; kiến thức cơ bản về kinh tế – pháp luật, kế toán.

**PO4:** Có kiến thức chuyên môn sâu về kế toán.

**PO5:** Có khả năng thực hiện thành thạo các nghiệp vụ trong lĩnh vực kế toán.

#### **1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề ở các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thương mại dịch vụ, các đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm:

- Thủ quỹ

- Thủ kho
- Kế toán viên như kế toán vốn bằng tiền, kế toán kho, kế toán tài sản cố định, kế toán lương, kế toán thuế...
- Kế toán tổng hợp

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **16**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **38** tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **180** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **720** giờ
- Khối lượng lý thuyết: 288 giờ; Thực hành/thí nghiệm: 353 giờ, Thực tập: 225 giờ, Bài tập/thảo luận/kiến tập: 0 giờ, Thi/kiểm tra: 34 giờ.

## 3. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
<b>I</b>		
<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>		
1	NLCB-01	Sinh viên có khả năng tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc nghiêm túc và tinh thần trách nhiệm trong lĩnh vực kế toán. Sinh viên có ý thức chấp hành quy định của đơn vị, làm việc trung thực, cẩn thận, chính xác và phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp kế toán.
2	NLCB-02	Sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ trong học tập và công việc. Sinh viên có thể phối hợp với đồng nghiệp, xử lý thông tin và thích ứng với môi trường làm việc tại doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp.
<b>II</b>		
<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>		
3	NLCL-01	Sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, tài chính, quản trị và kế toán vào hoạt động nghề nghiệp. Sinh viên nắm được nền tảng chuyên môn để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện chứng từ, sổ sách và tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.
4	NLCL-02	Sinh viên có khả năng thực hiện các nghiệp vụ kế toán cơ bản và chuyên sâu như kế toán vốn bằng tiền, kế toán công nợ, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán thuế, kế toán tổng hợp, lập và phân tích báo cáo tài chính. Sinh viên có thể vận dụng quy trình nghiệp vụ vào thực tế công việc với mức độ phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.
<b>III</b>		
<b>Năng lực nâng cao</b>		
5	NLNC-01	Sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp đối với các vấn đề trong hoạt động kế toán, tài chính và thuế. Sinh viên có thể tham gia lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế,

		dự toán và hỗ trợ ra quyết định tài chính trong phạm vi chuyên môn được giao.
6	NLNC-02	Sinh viên có khả năng tự học, cập nhật chế độ, chuẩn mực và chính sách mới, thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả công việc. Sinh viên có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào môi trường làm việc thực tế và từng bước phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

#### 4. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH/MĐ/HP	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)					
				Tổng số	Trong đó				
					Lý thuyết	Thực hành/thí nghiệm	Thực tập	Bài tập/thảo luận/kiến tập	Thi/Kiểm tra
<b>I. Các môn học chung</b>			<b>9</b>	<b>180</b>	<b>63</b>	<b>107</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
1	MH602002	Giáo dục chính trị 2	2	45	26	16			3
2	MH602003	Pháp luật 2	1	15	9	5			1
3	MH602001	Giáo dục thể chất 2	1	30	1	27			2
4	MH602004	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2	2	30	15	14			1
5	MĐ601001	Tin học 2	1	30	0	29			1
6	MH610001	Tiếng anh 3	2	30	12	16			2
<b>II. Các môn học, mô đun chuyên môn</b>			<b>29</b>	<b>720</b>	<b>225</b>	<b>246</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>24</b>
<b>II.1/Môn học, mô đun cơ sở</b>			<b>8</b>	<b>165</b>	<b>75</b>	<b>82</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8</b>
7	MH502144	Kỹ năng mềm 2	2	45	15	28			2
8	MH602024	Quản trị học	3	60	30	27			3
9	MH502128	Bài tập lớn nguyên lý kế toán	3	60	30	27			3
<b>II.2 Môn học chuyên môn</b>			<b>11</b>	<b>225</b>	<b>105</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>11</b>
10	MH502164	Tài chính ứng dụng	3	60	30	27			3
11	MĐ602078	Khai báo thuế 2	2	45	15	28			2

12	MĐ502139	Thực hành kế toán doanh nghiệp	3	60	30	27			3
13	MĐ502065	Lập và phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	27			3
<b>II.3 Thực tập tốt nghiệp</b>			<b>5</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
14	MĐ501020	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	0	225		
<b>II.4 Môn học, mô đun tốt nghiệp</b>			<b>5</b>	<b>105</b>	<b>45</b>	<b>55</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>
15	MH502068	Kế toán thuế	2	45	15	28			2
16	MH502137	Kế toán quản trị	3	60	30	27			3
<b>Tổng cộng:</b>			<b>38</b>	<b>900</b>	<b>288</b>	<b>353</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>34</b>

- Đối với các ngành còn lại đơn vị chuyên môn phụ trách ngành đào tạo sẽ xét từng trường hợp theo hồ sơ đăng ký của sinh viên.

- Trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

Nhóm ngành đúng (có thể được cập nhật theo điều chỉnh của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội):

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	5340302	Kế toán doanh nghiệp

Nhóm ngành gần (có thể được cập nhật theo điều chỉnh của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội):

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	5340303	Kế toán lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội
2	5340304	Kế toán vật tư
3	5340305	Kế toán ngân hàng
4	5340306	Kế toán tin học
5	5340307	Kế toán hành chính sự nghiệp
6	5340308	Kế toán hợp tác xã
7	5340309	Kế toán xây dựng
8	5340310	Kiểm toán
9	5340201	Tài chính doanh nghiệp
10	5340202	Tài chính - Ngân hàng

Các môn học bổ sung cho nhóm ngành gần Kế toán

STT	Mã MH/MĐ/HP	Tên môn học/mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)					
				Tổng số	Trong đó				
					Lý thuyết	Thực hành/th i nghiệm	Thực tập	Bài tập/thảo l luận/kiế n tập	Thi/Kiểm tra
1	MH502009	Nguyên lý kế toán	3	60	30	27			3
2	MH502059	Kế toán tài chính 1	4	75	45	26			4
3	MH502138	Kế toán tài chính 2	3	60	30	27			3
4	MĐ502131	Kế toán excel	4	105	30	26		45	4
5	MĐ502134	Phần mềm kế toán ảo	4	105	30	26		45	4
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>18</b>	<b>405</b>	<b>165</b>	<b>132</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>18</b>

Trường hợp không thuộc ngành đúng và gần Kế toán, đơn vị chuyên môn sẽ xem xét từng trường hợp dựa trên hồ sơ đăng ký của sinh viên.

### 5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

**5.1.** Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

### 5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện:

Thời lượng, cấu trúc chương trình và các môn học, mô đun đã được xây dựng là nội dung của chương trình đào tạo cao đẳng (Liên thông)- Cử nhân thực hành.

Chương trình gồm 3 phần:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 9 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 19 tín chỉ. Trong đó:
  - o Kiến thức cơ sở ngành: 8 tín chỉ
  - o Kiến thức ngành: 11 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp và môn học, mô đun tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Các môn học, mô đun được thiết kế theo nguyên tắc từ đơn giản đến phức tạp, từ dễ đến khó, từ cơ bản chuyển sang cơ sở ngành và chuyên ngành. Môn học, mô đun được tiến hành theo đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Đối với các môn học lý thuyết, nội dung bao gồm kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành, ngành, kiến thức chung của ngành, kiến thức

chuyên sâu của ngành.

Đối với các môn học, mô đun thực hành, thực tập, nội dung bao gồm thực hành môn học, mô đun và thực hành chuyên ngành kế toán theo định hướng rèn luyện kỹ năng từ thực hành cơ bản đến chuyên ngành.

Mỗi năm học được chia thành 3 học kỳ.

Trong mỗi học kỳ bố trí 15 tuần dành cho học tập trong đó:

- Học lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập: 13 tuần
- Thi môn học, mô đun: 2 tuần

Một học kỳ bố trí giảng dạy không quá 10 môn học và không quá 30 tín chỉ. Không bố trí quá 30 tiết lý thuyết cho một tuần. Nếu vừa học lý thuyết và thực hành thì không bố trí quá 8 giờ /ngày và không quá 40 giờ / tuần.

- Thời gian thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp là 10 - 12 tuần

➤ Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, tham gia thực tập tại các công ty và doanh nghiệp trong lĩnh vực kế toán.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

**5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:** Theo quy chế

**5.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:**

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng (Liên thông) kế toán và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành đối với sinh viên tốt nghiệp cao đẳng (Liên thông) ngành kế toán theo quy định của trường.

**5.5. Các chú ý khác (nếu có)**

**6. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo:**  
**Tên ngành, nghề : Kế toán (liên thông)**  
**Mã ngành, nghề: 6340301**

Học Kỳ 1	Học Kỳ 2	Học Kỳ 3
Tin học 2 (1)	Tiếng anh 3 (2)	Thực tập tốt nghiệp (5)
Giáo dục chính trị 2 (2)	Pháp luật 2 (1)	
Giáo dục thể chất 2 (1)	Kỹ năng mềm 2 (2)	
Quản trị học (3)	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (2)	
Bài tập lớn nguyên lý kế toán (3)	Thực hành kế toán doanh nghiệp (3)	
Lập và phân tích báo cáo tài chính (3)	Khai báo thuế 2 (2)	
Tài chính ứng dụng (3)	Kế toán thuế (2)	
	Kế toán quản trị (3)	

**7. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:**

**7.1 Chuẩn đầu ra**

Chuẩn đầu ra (PLO)		Tương ứng với mục tiêu (PO)	Trình độ năng lực
<b>PLO1</b>	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kế toán.	PO1, PO2	2.5
<b>PLO2</b>	Vận dụng được được những kiến thức cơ sở về kinh tế, thị trường, tài chính, quản trị kinh doanh vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực kế toán.	PO2, PO3	2.0
<b>PLO3</b>	Vận dụng được kiến thức về luật pháp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế, các chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện các chứng từ, sổ sách trong kế toán.	PO3, PO4	3.0
<b>PLO4</b>	Có khả năng thực hiện tất cả phần hành kế toán: kế toán vốn bằng tiền, kế toán công nợ, kế toán lương, kế toán tài sản cố định, kế toán tổng hợp....	PO4, PO5	3.0

<b>PLO5</b>	Có khả năng phân tích tài chính cơ bản của doanh nghiệp để phục vụ cho các quyết định tài chính, đầu tư.	PO3 PO4, PO5	3.0
<b>PLO6</b>	Có khả năng lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, lập dự toán sản xuất, bán hàng...	PO4, PO5	3.0
<b>PLO7</b>	Có khả năng sử dụng được tiếng Anh và tin học để xử lý các công việc kế toán.	PO2	3.0
<b>PLO8</b>	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử; làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình....	PO2	3.0
<b>PLO9</b>	Hiểu về sự cần thiết để học tập suốt đời, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm xã hội, đam mê công việc.	PO1, PO5	3.0

## 7.2 Thang trình độ năng lực<sup>(\*)</sup>:

Trình độ năng lực (TĐNL)		Mô tả
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	<b>Nhớ:</b> Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	<b>Hiểu:</b> Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		<b>Áp dụng:</b> Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	<b>Phân tích:</b> Sinh viên phân tích tài liệu/kiến thức thành các chi tiết/bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		<b>Đánh giá:</b> Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	<b>Sáng tạo:</b> Sinh viên kiến tạo/sắp xếp/tổ chức/thiết kế/khái quát hóa các chi tiết/bộ phận theo cách khác/mới để tạo ra cấu trúc/mô hình/sản phẩm mới

(\*) Trình độ năng lực theo thang đo Bloom

**8. Các môn học và mối quan hệ với chuẩn đầu ra:**

Mối quan hệ giữa các môn học trong chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra (ký hiệu PLO – Program Learning Outcomes) được thể hiện qua bảng sau:

STT	Mã MH	Tên môn học	PLO – Program Learning Outcomes								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	MH602002	Giáo dục chính trị 2	x								x
2	MH602003	Pháp luật 2	x								x
3	MH602001	Giáo dục thể chất 2	x								
4	MH602004	Giáo dục quốc phòng và an	x								
5	MĐ601001	Tin học 2							x		
6	MH610001	Tiếng anh 3							x		
7	MH502144	Kỹ năng mềm 2								x	
8	MH602024	Quản trị học		x						x	
9	MH502128	Bài tập lớn nguyên lý kế toán			x						
10	MH502164	Tài chính ứng dụng		x			x				
11	MĐ602078	Khai báo thuế 2			x	x		x	x		
12	MĐ502139	Thực hành kế toán doanh			x	x		x	x		x
13	MĐ502065	Lập và phân tích báo cáo tài					x	x	x		x
14	MĐ501020	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
15	MH602066	Kế toán thuế			x	x					x
16	MH502137	Kế toán quản trị		x		x	x	x		x	x

